

Bản án số: 29/2024/HS-PT.
Ngày: 29/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLPT-HS ngày 22/01/2024 đối với bị cáo **Trần Thanh T** do có kháng cáo của bị cáo **Trần Thanh T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Trần Thanh T**; Sinh ngày: 01/01/1969; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: **Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Lòng C** và bà **Mã Thị P**; Có vợ là bà **Nguyễn Thị Mộng C1**, sinh năm 1978 và có 04 người con, người con lớn nhất sinh năm 2000, người con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/8/2023 cho đến nay. (có mặt)

- **Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Trần Thị N**, **Nguyễn Thị Mộng C1**, **Trần Thanh T**; Người làm chứng **Trần Thị D**, **Võ Văn H**, **Khru Thị C2**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Trần Thanh T** và bà **Trần Thị N** là chị em ruột. Giữa bị cáo **T** và bà **N** có tranh chấp đất đai đối với phần đất có diện tích là 3.755,4m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xử buộc **Trần Thanh T**, cùng vợ là bà **Nguyễn Thị Mộng C1** có nghĩa vụ trả lại cho bà **Trần Thị N** phần đất có diện tích 3.755,4m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, **Trần Thanh T** vẫn tiếp tục quản lý, canh tác phần đất nêu trên và không tự nguyện chấp hành bản án. Sau khi **Trần Thị N** gửi đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 443/QĐ-CCTHADS ngày 09/12/2020 để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhưng bị cáo **T** không tự nguyện chấp hành án. Đến ngày 17/02/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách ban hành Quyết định số 11/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và thông báo cưỡng chế thi hành án cho **Trần Thanh T, Nguyễn Thị Mộng C1**. Đến ngày 09/3/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách tổ chức cưỡng chế giao cho bà **Trần Thị N** quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.755,4m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** nhưng **T** vắng mặt. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách tiến hành lập biên bản về việc cưỡng chế và đo đạc thực tế phần đất có diện tích là 3.740,3m², cấm cọc và giao cho bà **N** quản lý, sử dụng. Sau khi **Đ** cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách về thì **T** nhổ cọc và tiếp tục sử dụng, canh tác phần đất diện tích 3.740,3m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Đến ngày 10/3/2023, do phát hiện 02 cọc ranh do **Đ** cưỡng chế cấm bị mất nên Ban nhân dân **ấp 19/5, xã K** lập biên bản và bà **N** thuê người đắp bờ ranh. Sau đó, **T** đã cuốc đất bờ ranh bỏ và tiếp tục canh tác đối với phần đất diện tích 3.740,3m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách đã cưỡng chế, bàn giao cho bà **N**. Sau khi nhận được tin báo và yêu cầu của bà **N**, ngày 11/8/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện K** ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với **Trần Thanh T** về tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình điều tra, **Trần Thanh T** khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 380; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh T** phạm tội “Không chấp hành án”.

- Xử phạt bị cáo **Trần T1** 05 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 18/12/2023, bị cáo **Trần Thanh T** kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Trần Thanh T** phạm tội “Không chấp hành án” theo khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** mức án 05 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo có đủ điều kiện để được cân nhắc, xem xét cho hưởng án treo theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tố tụng, ảnh hưởng đến nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Trần Thanh T** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 18/12/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Trần Thanh T** về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Trần Thanh T** như sau: Bị cáo **Trần Thanh T** và bà **Trần Thị N** là chị em ruột. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xử buộc **Trần Thanh T**, cùng vợ là bà **Nguyễn Thị Mộng C1** có nghĩa vụ trả lại cho bà **Trần Thị N** phần đất có diện tích 3.755,4m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, **Trần Thanh T** vẫn tiếp tục quản lý, canh tác phần đất nêu trên và không tự nguyện chấp hành bản án. Sau khi bà **N** gửi đơn yêu cầu thi hành bản án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 443/QĐ-CCTHADS ngày 09/12/2020 để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhưng bị cáo **T** không tự nguyện chấp hành án. Đến ngày 17/02/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách ban hành Quyết định số 11/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và thông báo cưỡng chế thi hành án cho **Trần Thanh T, Nguyễn Thị Mộng C1**. Đến ngày 09/3/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách tổ chức cưỡng chế giao cho bà **Trần Thị N** quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.755,4m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** nhưng **T** vắng mặt. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách tiến hành lập biên bản về việc cưỡng chế và đo đạc thực tế phần đất có diện tích là 3.740,3m², cắm cọc ranh giới và giao cho bà **N** quản lý, sử dụng. Sau khi **Đ** cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách về thì **T** nhổ cọc ranh giới, ban bờ ranh và tiếp tục quản lý sử dụng, canh tác phần đất diện tích 3.740,3m² thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại **ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Trần Thanh T** phạm tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Trần Thanh T**: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm và xác định bị cáo đã nộp tiền bồi thường cho bị hại, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với cách mạng và các bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo **T** mức án 05 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng. Xét mặc dù, bị cáo **Trần Thanh T** bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp trên địa bàn diễn biến khá phức tạp, nhất là tình trạng không tự nguyện chấp hành án, người phải thi hành án có hành vi cản trở việc tổ chức thi hành án của cơ quan chức năng, gây mất trật tự an toàn xã hội, xảy ra hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, điều này đặt ra yêu cầu phải xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nên việc cho bị cáo **T** hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Thanh T**, về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Trần Thanh T** của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 380; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Thanh T**.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** 05 (năm) tháng tù về tội “Không chấp hành án”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo **Trần Thanh T** chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT-Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an huyện K (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ